

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **272/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **24-8-2018**.

V/v: **“Tranh chấp ly hôn”**.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần – Bí thư đoàn phường Thống Nhất.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Hội phó Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày **24 tháng 8 năm 2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **203/2018/TLST-HNGĐ** ngày **16 tháng 01 năm 2018** về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **274/2018/QĐXXST-HNGĐ** ngày **12 tháng 7 năm 2018** và Quyết định hoãn phiên tòa số: **522/2018/QĐST-HNGĐ** ngày **03/8/2018**, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Như Q**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ S, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: tổ E, khu phố G, phường C, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Bá P**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ S, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Q có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Bá P kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2017 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Trong thời gian sống chung bà thường bị chồng đánh đập, dùng nhiều lời không có văn hóa sỉ nhục bà. Vợ chồng đã sống ly thân được 06 tháng nhưng trong thời gian này ông P vẫn điện thoại nhắn tin nhục mạ và hù dọa đánh giết bà. Do đời sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/5/2014. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và đồng ý để ông P nuôi dưỡng cháu H. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai ngày 02/4/2018 bị đơn ông Nguyễn Bá P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Q kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống có hạnh phúc nhưng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn và xảy ra xô xát mấy lần. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Quá trình ly thân ông có đến đón vợ về nhiều lần nhưng vợ không về. Nay bà Q xin ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương vợ không muốn gia đình đổ vỡ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, vì con còn nhỏ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/5/2014. Nếu Tòa giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật thì ông xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Q. Về con chung: Giao cháu Quỳnh A cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; Về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Bá P

theo quy định của pháp luật, nhưng ông Nguyễn Bá P vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như Q và ông Nguyễn Bá P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 20/01/2011 nên áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như bà Q trình bày thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2017 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Trong thời gian sống chung bà thường bị chồng đánh đập, dùng nhiều lời không có văn hóa sỉ nhục bà. Vợ chồng đã sống ly thân được 06 tháng nhưng trong thời gian này ông P vẫn điện thoại nhắn tin nhục mạ và hù dọa đánh giết bà. Do đời sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông P. Còn ông P cũng thừa nhận đôi khi có xảy ra mâu thuẫn và xảy ra xô xát mấy lần. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Quá trình ly thân ông có đến đón vợ về nhiều lần nhưng vợ không về. Nay bà Q xin ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương vợ không muốn gia đình đổ vỡ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, vì con còn nhỏ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q vẫn cương quyết xin được ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng bà Q và ông P mâu thuẫn là có thật, mặc dù ông P cho rằng còn thương yêu vợ con không đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng ông bà đã ly thân từ khoảng giữa năm 2017 cho đến nay. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng ông P vắng mặt. Mặt khác, theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 29/3/2018 thì giữa bà Q và ông P có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo địa phương để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên ông P và bà Q đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Q và ông P đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà Q xin ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q, cho ly hôn giữa bà Q và ông P.

[3] Về con chung: Bà Q và ông P có 02 con chung Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/5/2014. Khi ly hôn bà Q có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và đồng ý để ông P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc H, ông P có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Cháu H có nguyện vọng được ở với ông P và bà Q cũng đồng ý để ông P nuôi dưỡng cháu H. Về cháu Quỳnh A cả ông P và bà Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai đều có đủ kiện để nuôi con. Tuy nhiên, xét cháu Quỳnh A còn nhỏ và là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu nên giao cháu Nguyễn Phúc H cho ông P và giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A cho bà

Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho các cháu. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4]Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

[5]Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Như Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Như Q và ông Nguyễn Bá P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 05/01/2011 cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/5/2014 cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Vì không trực tiếp nuôi con nên các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như Q phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006025 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Q đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Bá P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến